

Số: 32/2025/QĐST-HNGĐ

Thanh Hoá, ngày 24 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 88, 91, 101 và Điều 102 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Bản Kết luận giám định AND số: KL 240296/TH ngày 21/8/2024 và Kết luận giám định AND số: KL 240297/TH ngày 21/8/2024 của Trung tâm C1;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 16 tháng 9 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 28/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2025 về việc “Xác định cha cho con”.

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Trương Thị A, sinh năm 1990. Địa chỉ: Khu C, xã M, tỉnh Thanh Hóa.

- **Bị đơn:** Anh Đỗ Hữu C, sinh năm 1982. Địa chỉ: Bản N, xã M, tỉnh Thanh Hóa.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Xác định anh Đỗ Hữu C, sinh năm 1982, số căn cước công dân số 038082045916 do Cục trưởng Cục cảnh sát quản lý hành chính và trật tự xã hội cấp ngày 17/9/2021, quê quán: Thiệu H, T, Thanh Hóa, nơi thường trú: Bản Na H1, xã M, tỉnh Thanh Hóa là cha đẻ của cháu Đỗ Phúc H2, sinh ngày 14 tháng 9 năm 2021 (giới tính: nam) và cháu Đỗ Phương T, sinh ngày 12 tháng 7 năm 2023 (giới tính: nữ) họ và tên mẹ: Trương Thị A, theo giấy khai sinh số 277,

quyền số 1080/GKS-BS ngày 19/8/2024 và giấy khai sinh số 103, quyền số 1081/GKS-BS, ngày 19/8/2024; Kết luận giám định AND số: KL 240296/TH ngày 21/8/2024; Kết luận giám định AND số: KL 240297/TH ngày 21/8/2024 của Trung tâm C1.

- Chị Trương Thị A và anh Đỗ Hữu C có các quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với cháu Đỗ Phúc H2 và cháu Đỗ Phương T theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Trương Thị A và anh Đỗ Hữu C được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 13 - Thanh Hoá;
- THADS tỉnh Thanh Hoá;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Văn Hùng

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TX. LONG KHÁNH - ĐỒNG NAI
Số: **02/2019/QĐST-KDTM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Long Khánh, ngày 08 tháng 4 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 29 tháng 3 năm 2019 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 09/2018/TLST-KDTM ngày 18 tháng 12 năm 2018.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần P1

Trụ sở chính: Số D - D L, phường B, quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Văn T1, sinh năm 1965 - Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Tường Anh T2, sinh năm: 1983 - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ.

Địa chỉ: Số A L, phường D, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Văn bản ủy quyền ngày 24/9/2018).

- Bị đơn: Ông Trương Văn H3 - sinh năm: 1962

Địa chỉ: Đường V, ấp N, xã S, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Ông Trương Văn H3 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P2 số tiền nợ tính đến ngày 29/3/2019 là 148.018.610 đồng (Một trăm bốn mươi tám triệu không trăm mười tám ngàn sáu trăm mười đồng). Trong đó:

+ Số tiền nợ gốc: 74.338.414 đồng (Bảy mươi tư triệu ba trăm ba mươi tám ngàn bốn trăm mười bốn đồng);

+ Số tiền nợ lãi: 73.680.196 đồng (Bảy mươi ba triệu sáu trăm tám mươi ngàn một trăm chín mươi sáu đồng).

Kể từ ngày 30/3/2019 ông H3 còn phải trả lãi phát sinh trên phần nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 017/2013/HĐTD-CN-TH ngày 02/4/2013 giữa hai bên đã ký kết. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông H3 phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của ngân hàng cho vay;

- Ngân hàng Thương mại cổ phần P2 và ông Trương Văn H3 công nhận hợp đồng thế chấp số 017/2013/BĐ-TH ngày 02/4/2013 được công chứng ngày 04/4/2013 tại Văn phòng C2 tỉnh Đồng Nai và được đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cùng ngày tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ - Chi nhánh L4 đúng quy định pháp luật. Trường hợp ông Trương Văn H3 chưa trả hết số nợ trên thì Ngân hàng Thương mại cổ phần P2 được quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp nêu trên đối với tài sản: Quyền sử dụng đất thuộc thửa số 833, tờ bản đồ số 08, diện tích 269,3m², trong đó diện tích được cấp giấy 217,2m², không được cấp giấy 52,1m² tọa lạc tại ấp N, xã S, thành phố L, tỉnh Đồng Nai, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 664531 do Ủy ban nhân dân thành phố L, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 29/3/2010 đứng tên ông Trương Văn H3;

- Trong trường hợp ông Trương Văn H3 trả hết các khoản nợ mà không phải xử lý đối với tài sản thế chấp, thì Ngân hàng TMCP P2 có trách nhiệm trả bản chính giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông Trương Văn H3 đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số: 017/2013/BĐ-TH ngày 02/4/2013, được công chứng ngày 04/4/2013 tại Văn phòng C2 tỉnh Đồng Nai và được đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 04/4/2013 tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ - Chi nhánh L4.

Về án phí:

- Ông Trương Văn H3 tự nguyện chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm số tiền là 148.018.610 đồng x 2,5% = 3.700.500 đồng (Ba triệu bảy trăm ngàn năm trăm đồng) .

- Hoàn trả cho ngân hàng Thương mại cổ phần P2 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.513.000 đồng (Năm triệu năm trăm mười ba ngàn đồng) theo biên lai thu số 009294 ngày 14/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Khánh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- VKSND TXLK;
- Thi hành án;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

Thẩm phán

Nguyễn Thị Mai

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TX. LONG KHÁNH -ĐỒNG NAI**

Số:/2018/QĐST-DS

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Long Khánh, ngày 17 tháng 5 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 08 tháng 5 năm 2018 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 50/2018/TLST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2017.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Lương Thị K - sinh năm: 1972

Địa chỉ: Tổ H, ấp B, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

* Người đại diện theo ủy quyền của bà K: Anh Nguyễn Đình T3 - sinh năm: 1982

Địa chỉ: Khu E, ấp C, xã X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

(Văn bản ủy quyền ngày 18/10/2017)

- **Đồng bị đơn:** Anh Lê Đức Huyền L - sinh năm: 1971

Chị Huỳnh Thị T4 - sinh năm: 1972

Cùng địa chỉ: Số N, đường H, khu phố C, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

Chị T4 ủy quyền cho anh L theo văn bản ủy quyền ngày 08/5/2018.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Nguyễn Thị Bích T5 - sinh năm: 1967 và ông Nguyễn Văn N - sinh năm: 1965

HKTT: Tổ 15, ấp B, xã B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở hiện nay: Tổ A, ấp B, xã B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Anh Lê Đức Huyền L và chị Huỳnh Thị T4 đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với diện tích 513m² (ngang 17,1m, dài 30m) thuộc thửa đất số 684, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại ấp B, xã B, thành phố L cho Bà Lương Thị K đã ký ngày 02/4/2016.

- Anh Lê Đức Huyền L và chị Huỳnh Thị T4 đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với diện tích 180m² (ngang 6m, dài 30m) thuộc thửa đất số 684, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại ấp B, xã B, thành phố L cho ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị Bích T5 đã ký ngày 27/3/2013.

- Tổng diện tích đất của bà K, ông N và bà T5 là 693m² tại thửa đất số 684, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại ấp B, xã B, thành phố L được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 593973 ngày 27/11/2015 hiện nay do anh Lê Đức Huyền L và chị Huỳnh Thị T4 đứng tên.

- Bà Lương Thị K, ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị Bích T5, ông Lê Đức Huyền L và bà Huỳnh Thị T4 tự liên hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

3/ Về án phí: Bà Lương Thị Kim tự N1 chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 008019 ngày 27/11/2017. Ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị Bích T5 tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 008416 ngày 03/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Khánh.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- VKSND TXLK;
- CC Thi hành án TXLK;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

Thẩm phán

Nguyễn Thị Mai

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TX. LONG KHÁNH -ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **12/2018/QĐST-DS**

Long Khánh, ngày 29 tháng 01 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 19 tháng 01 năm 2018 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 63/2017/TLST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2017.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng C3

Trụ sở chính: Số A, phố L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T6 - Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Văn S - Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C (theo văn bản ủy quyền ngày 28/12/2017)

- **Bị đơn:** Bà Lê Thị Kim B - sinh năm: 1969

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Nguyễn Đình D - sinh năm: 1961

Cùng địa chỉ: Số B, tổ E, khu phố C, đường T (nối dài), phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

(Ông D ủy quyền cho bà B theo văn bản ủy quyền ngày 28/12/2017)

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Nguyễn Đình D và bà Lê Thị Kim B có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng C3 số tiền tính đến ngày 19/01/2018 là 109.147.511 đồng (Một trăm lẻ chín triệu một trăm bốn mươi bảy ngàn năm trăm mười một đồng). Trong đó:

+ Số tiền nợ gốc: 73.757.246đ (Bảy mươi ba triệu bảy trăm năm mươi bảy ngàn hai trăm bốn mươi sáu đồng);

+ Số tiền nợ lãi: 35.390.265đ (Ba mươi lăm triệu ba trăm chín mươi ngàn hai trăm sáu mươi lăm đồng).

Kể từ ngày 20/01/2018 cho đến khi bà B, ông D thanh toán xong số tiền trên thì bà B và ông D còn phải trả lãi phát sinh trên phần vốn gốc theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng đã ký kết. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông D và bà B phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của ngân hàng cho vay.

Về án phí:

- Bà Lê Thị Kim B và ông Nguyễn Đình D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 109.147.511 đồng x 2,5% = 2.728.688 đồng (Hai trăm bảy trăm hai mươi tám ngàn sáu trăm tám mươi tám đồng) .

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- VKSND TXLK;
- Thi hành án;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

Thẩm phán

Phạm Thị Vân Khánh

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TX. LONG KHÁNH -ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **25/2018/QĐST-DS**

Long Khánh, ngày 04 tháng 5 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 26 tháng 4 năm 2018 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 93/2018/TLST-DS ngày 13 tháng 3 năm 2018.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Vũ Kỳ N2 - sinh năm: 1961

HKTT: Tổ A, khu phố B, phường P, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ: Số D, tổ A, ấp B, xã B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Tseng A P - sinh năm: 1969

Địa chỉ: Số C, đường H, khu phố D, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Tseng A P có nghĩa vụ thanh toán cho ông Vũ Kỳ N2 số tiền 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng).

Sau khi ông Tseng A P thanh toán xong khoản tiền trên cho ông Vũ Kỳ N2 thì ông N2 có nghĩa vụ trả lại cho ông P bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 303442 đứng tên bà Dương B1 và ông Tseng A P do UBND huyện Đ cấp ngày 30/8/2007.

Về án phí:

- Ông Tseng A P tự nguyện chịu một nửa tiền án phí dân sự sơ thẩm số tiền 1.500.000đ (Một triệu năm trăm ngàn đồng) ($120.000.000đ \times 2,5\% : 2$).

- Ông Vũ Kỳ N2 tự nguyện chịu một nửa tiền án phí dân sự sơ thẩm số tiền 1.500.000đ (Một triệu năm trăm ngàn đồng) ($120.000.000đ \times 2,5\% : 2$).

Hoàn trả cho ông Vũ Kỳ N2 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.200.000 (Hai triệu hai trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 008239 ngày 12/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của ông Vũ Kỳ N2 mà ông Tseng A P chưa thanh toán xong số tiền trên thì hàng tháng ông P phải chịu khoản lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- VKSND TXLK;
- CC Thi hành án TXLK;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

Thẩm phán

Nguyễn Thị Mai

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TX. LONG KHÁNH -ĐỒNG NAI
Số: **02/2019/QĐST-KDTM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Long Khánh, ngày 08 tháng 4 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 29 tháng 3 năm 2019 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 09/2018/TLST-KDTM ngày 18 tháng 12 năm 2018.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần P1

Trụ sở chính: Số D - D L, phường B, quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Văn T1, sinh năm 1965 - Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Tưởng Anh T2, sinh năm: 1983 - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ.

Địa chỉ: Số A L, phường D, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Văn bản ủy quyền ngày 24/9/2018).

- Bị đơn: Ông Trương Văn H3 - sinh năm: 1962

Địa chỉ: Đường V, ấp N, xã S, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Ông Trương Văn H3 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P2 số tiền nợ tính đến ngày 29/3/2019 là 148.018.610 đồng (Một trăm bốn mươi tám triệu không trăm mười tám ngàn sáu trăm mười đồng). Trong đó:

+ Số tiền nợ gốc: 74.338.414 đồng (Bảy mươi tư triệu ba trăm ba mươi tám ngàn bốn trăm mười bốn đồng);

+ Số tiền nợ lãi: 73.680.196 đồng (Bảy mươi ba triệu sáu trăm tám mươi ngàn một trăm chín mươi sáu đồng).

Kể từ ngày 30/3/2019 ông H3 còn phải trả lãi phát sinh trên phần nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 017/2013/HĐTD-CN-TH ngày 02/4/2013 giữa hai bên đã ký kết. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông H3 phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của ngân hàng cho vay;

- Ngân hàng Thương mại cổ phần P2 và ông Trương Văn H3 công nhận hợp đồng thế chấp số 017/2013/BD-TH ngày 02/4/2013 được công chứng ngày 04/4/2013 tại Văn phòng C2 tỉnh Đồng Nai và được đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cùng ngày tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ - Chi nhánh L4

đúng quy định pháp luật. Trường hợp ông Trương Văn H3 chưa trả hết số nợ trên thì Ngân hàng Thương mại cổ phần P2 được quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp nêu trên đối với tài sản: Quyền sử dụng đất thuộc thửa số 833, tờ bản đồ số 08, diện tích 269,3m², trong đó diện tích được cấp giấy 217,2m², không được cấp giấy 52,1m² tọa lạc tại ấp N, xã S, thành phố L, tỉnh Đồng Nai, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 664531 do Ủy ban nhân dân thành phố L, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 29/3/2010 đứng tên ông Trương Văn H3;

- Trong trường hợp ông Trương Văn H3 trả hết các khoản nợ mà không phải xử lý đối với tài sản thế chấp, thì Ngân hàng TMCP P2 có trách nhiệm trả bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông Trương Văn H3 đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số: 017/2013/BĐ-TH ngày 02/4/2013, được công chứng ngày 04/4/2013 tại Văn phòng C2 tỉnh Đồng Nai và được đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 04/4/2013 tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ - Chi nhánh L4.

Về án phí:

- Ông Trương Văn H3 tự nguyện chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm số tiền là 148.018.610 đồng x 2,5% = 3.700.500 đồng (Ba triệu bảy trăm ngàn năm trăm đồng) .

- Hoàn trả cho ngân hàng Thương mại cổ phần P2 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.513.000 đồng (Năm triệu năm trăm mười ba ngàn đồng) theo biên lai thu số 009294 ngày 14/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Khánh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- VKSND TXLK;
- Thi hành án;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

Thẩm phán

Nguyễn Thị Mai

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TX. LONG KHÁNH -ĐỒNG NAI

Số:/2017/QĐST-DS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Long Khánh, ngày 23 tháng 11 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 15 tháng 11 năm 2017 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 40/2017/TLST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2017.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Võ Thị L1 - sinh năm: 1970

Nơi cư trú: Số E, ấp T, xã H, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H4 - sinh năm: 1961

Nơi cư trú: Số G, đường T, khu phố A, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Chị Nguyễn Thị H4 có nghĩa vụ thanh toán cho chị Võ Thị L1 số tiền là 157.500.000đ (một trăm năm mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng)

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của chị Võ Thị L1 mà chị Nguyễn Thị H4 chưa thanh toán xong số tiền trên thì hàng tháng chị H4 phải chịu khoản lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H4 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền: $157.500.000đ \times 2,5\% = 3.937.500đ$ (Ba triệu chín trăm ba mươi bảy ngàn năm trăm đồng) .

- Hoàn trả cho chị Võ Thị L1 số tiền tạm ứng án phí 3.937.500đ (Ba triệu chín trăm ba mươi bảy ngàn năm trăm đồng) theo biên lai thu số 007960 ngày 08/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Khánh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- VKSND TXLK;
- Thi hành án;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

Thẩm phán

Phạm Thị Vân Khánh

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TX. LONG KHÁNH - ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/2017/QĐST-DS

Long Khánh, ngày 23 tháng 11 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 15 tháng 11 năm 2017 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 37/2017/TLST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2017.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Hà Mai Yến N3 - sinh năm: 1985

Nơi cư trú: Tổ C, khu phố B, phường P, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Lương Ngọc V - sinh năm: 1987

Nơi cư trú: Tổ F, khu phố A, phường P, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Anh Lương Ngọc V có nghĩa vụ thanh toán cho chị Phạm Hà Mai Yến N3 số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của chị Phạm Hà Mai Yến N3 mà anh Lương Ngọc V chưa thanh toán xong số tiền trên thì hàng tháng anh V phải chịu khoản lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Về án phí:

- Anh Lương Ngọc V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền: $50.000.000đ \times 2,5\% = 1.250.000đ$ (Một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) .

- Hoàn trả cho chị Phạm Hà Mai Yến N3 số tiền tạm ứng án phí 1.450.000đ (Một triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu số 007923 ngày 30/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Khánh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- VKSND TXLK;
- Thi hành án;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

Thẩm phán

Phạm Thị Vân Khánh

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TX. LONG KHÁNH - ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **89/2017/QĐST-DS**

Long Khánh, ngày 30 tháng 8 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 22 tháng 8 năm 2017 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 203/2017/TLST-DS ngày 21 tháng 7 năm 2017.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lê Tuấn K1 sinh năm: 1970

Nơi cư trú: Số nhà G, đường số G, tổ A, ấp A G, xã B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

- Đồng bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim N4 sinh năm: 1966

Ông Đỗ Đăng N5 sinh năm: 1954

Nơi cư trú: Số nhà C, tổ A, ấp A G, xã B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Nguyễn Thị Kim N4, ông Đỗ Đăng N5 có nghĩa vụ liên đới trả cho Anh Lê Tuấn K1 số tiền 20.935.000đ (Hai mươi triệu chín trăm ba mươi lăm ngàn đồng).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của anh Lê Tuấn K1 mà bà Nguyễn Thị Kim N4, ông Đỗ Đăng N5 chưa thanh toán xong số tiền trên thì hàng tháng bà N4, ông N5 phải chịu khoản lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị Kim N4 và ông Đỗ Đăng N5 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 20.935.000đ x 2,5% = 523.375 (Năm trăm hai mươi ba ngàn ba trăm bảy mươi lăm đồng) .

- Hoàn trả cho anh Lê Tuấn K1 số tiền tạm ứng án phí 523.375 (Năm trăm hai mươi ba ngàn ba trăm bảy mươi lăm đồng) theo biên lai thu số 007696 ngày 21/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Khánh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- VKSND TXLK;
- Thi hành án;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

Thẩm phán

Phạm Thị Vân Khánh

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TX. LONG KHÁNH -ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **98/2017/QĐST-DS**

Long Khánh, ngày 15 tháng 9 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 07 tháng 9 năm 2017 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 221/2017/TLST-DS ngày 23 tháng 8 năm 2017.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Đồng nguyên đơn: Bà Nông Thị Bích T7 sinh năm: 1973

Ông Nguyễn Văn V1 năm: 1969

Nơi cư trú: Tổ A, ấp A G, xã B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

- Đồng bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim N4 sinh năm: 1966

Ông Đỗ Đăng N5 sinh năm: 1954

Nơi cư trú: Số nhà C, tổ A, ấp A G, xã B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Nguyễn Thị Kim N4, ông Đỗ Đăng N5 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nông Thị Bích T7 và ông Nguyễn Văn V2 số tiền 21.150.000đ (Hai mươi một triệu một trăm năm mươi ngàn đồng).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của bà Nông Thị Bích T7, ông Nguyễn Văn V2 mà bà Nguyễn Thị Kim N4, ông Đỗ Đăng N5 chưa thanh toán xong số tiền trên thì hàng tháng bà N4, ông N5 phải chịu khoản lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị Kim N4 và ông Đỗ Đăng N5 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 528.750đ (Năm trăm hai mươi tám ngàn bảy trăm năm mươi đồng)

- Hoàn trả cho bà Nông Thị Bích T7, ông Nguyễn Văn V2 số tiền tạm ứng án phí 528.750đ (Năm trăm hai mươi tám ngàn bảy trăm năm mươi đồng) theo biên lai thu số 007766 ngày 23/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Khánh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- VKSND TXLK;
- Thi hành án;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

Thẩm phán

Phạm Thị Vân Khánh

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TX. LONG KHÁNH - ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **85/2017/QĐST-DS**

Long Khánh, ngày 22 tháng 8 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 14 tháng 8 năm 2017 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 207/2017/TLST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2017.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** **Chị Nguyễn Thị Thanh X sinh năm: 1985**

Nơi cư trú: Số nhà E, đường P, tổ H, khu phố C, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

- **Đồng bị đơn:** **Bà Nguyễn Thị Kim N4 sinh năm: 1966**

Ông Đỗ Đăng N5 sinh năm: 1954

Nơi cư trú: Số nhà C, tổ A, ấp A G, xã B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Nguyễn Thị Kim N4, ông Đỗ Đăng N5 có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Nguyễn Thị Thanh X số tiền 25.660.000đ (Hai mươi lăm triệu sáu trăm sáu mươi ngàn đồng).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của chị Nguyễn Thị Thanh X mà bà Nguyễn Thị Kim N4, ông Đỗ Đăng N5 chưa thanh toán xong số tiền trên thì hàng tháng bà N4, ông N5 phải chịu khoản lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị Kim N4 và ông Đỗ Đăng N5 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền $25.660.000đ \times 2,5\% = 641.500đ$ (Sáu trăm bốn mươi một ngàn năm trăm đồng) .

- Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Thanh X số tiền tạm ứng án phí 694.500 (Sáu trăm chín mươi tư ngàn năm trăm đồng) theo biên lai thu số 007710 ngày 26/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Khánh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- VKSND TXLK;
- Thi hành án;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

Thẩm phán

Phạm Thị Vân Khánh

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TX. LONG KHÁNH - ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **62/2017/QĐST-DS**

Long Khánh, ngày 18 tháng 7 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 06 tháng 7 năm 2017 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 144/2017/TLST-DS ngày 25 tháng 5 năm 2017.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** **Chị Trần Huỳnh Như T8** sinh năm: 1983

Nơi cư trú: Số nhà C, đường B, ấp S, xã S, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

- **Bị đơn:** **Anh Trần Huỳnh H5** sinh năm: 1978

Nơi cư trú: Số nhà D, đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

* Người đại diện theo ủy quyền: Chị Mai Thị Thanh H6 - sinh năm: 1982
(Theo văn bản ủy quyền ngày 27/5/2017)

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** **Chị Mai Thị Thanh H6 - sinh năm: 1982**

Nơi cư trú: Số nhà D, đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Anh Trần Huỳnh H5 và chị Mai Thị Thanh H6 có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Trần Huỳnh Như T8 số tiền 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của chị Trần Huỳnh Như T8 mà anh Trần Huỳnh H5 và chị Mai Thị Thanh H6 chưa thanh toán xong số tiền trên thì hàng tháng anh H5 và chị H6 phải chịu khoản lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Về án phí:

- Anh Trần Huỳnh H5 và chị Mai Thị Thanh H6 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 36.000.000đ (Ba mươi sáu triệu đồng đồng).

- Hoàn trả cho chị Trần Huỳnh Như T8 số tiền tạm ứng án phí 36.000.000đ (Ba mươi sáu triệu đồng) theo biên lai thu số 007513 ngày 24/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Khánh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:

Thẩm phán

- Tòa án tỉnh;
- VKSND TXLK;
- Thi hành án;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

Phạm Thị Vân Khánh

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TX. LONG KHÁNH - ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **47/2017/QĐST-DS**

Long Khánh, ngày 19 tháng 6 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 09 tháng 6 năm 2017 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 148/2017/TLST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2017.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Ngọc D1 sinh năm: 1975

Nơi cư trú: Ấp F, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

- Đồng bị đơn: Anh Lê Đức Huyền L2 năm: 1971

Chị Huỳnh Thị T9 năm: 1972

HKTT: G118, khu phố A, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở hiện nay: N, đường H, khu phố C, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Anh Phạm Ngọc D1, anh Lê Đức Huyền L và chị Huỳnh Thị T4 thống nhất hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 13 tháng 7 năm 2013 giữa anh Phạm Ngọc D1 và anh Lê Đức Huyền L, chị Huỳnh Thị T4.

Anh Lê Đức Huyền L và chị Huỳnh Thị T4 có nghĩa vụ trả cho anh Phạm Ngọc Danh S1 tiền 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng).

Anh Phạm Ngọc D1 có nghĩa vụ trả cho anh Lê Đức Huyền L, chị Huỳnh Thị T4 diện tích đất 270m², thuộc thửa đất số 685, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại xã B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai có tứ cận như sau:

Phía Đông giáp đất ông Nguyễn Thanh L3

Phía Tây giáp đất anh Lê Đức Huyền L

Phía Nam giáp đất đường tự mở

Phía Bắc giáp đất anh Lê Đức L.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của anh Phạm Ngọc D1 mà anh Lê Đức Huyền L và chị Huỳnh Thị T4 chưa thanh toán xong số tiền trên thì hàng tháng anh L và chị T4 phải chịu khoản lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Về án phí:

- Anh Phạm Ngọc D1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng) được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí. Hoàn trả cho anh Danh số tiền tạm ứng án phí còn lại là 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu số 007545 ngày 02/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Khánh.

- Anh Lê Đức Huyền L và chị Huỳnh Thị T4 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;

Thẩm phán

- *VKSND TXLK;*
- *Thi hành án;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS.*

Phạm Thị Vân Khánh